

# NÂNG CAO ĐỘNG LỰC HỌC NÓI TIẾNG ANH THÔNG QUA KỂ CHUYỆN HỖ TRỢ BỞI TRÍ TUỆ NHÂN TẠO

Nguyễn Kiều Loan

Trường Trung học cơ sở Đào Viên, Bắc Ninh

TS. Nguyễn Thanh Tú, Bộ môn ngoại ngữ

Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải

Email: loankieusp2@gmail.com.

**Tóm tắt:** Nghiên cứu tập trung phân tích vai trò của kể chuyện số (digital storytelling - DST) và trí tuệ nhân tạo (AI) trong việc nâng cao động lực học nói tiếng Anh cho học sinh trung học cơ sở (THCS). Trên cơ sở tổng quan có chọn lọc các nghiên cứu từ năm 2018 đến nay, bài viết chỉ ra rằng DST góp phần cải thiện kỹ năng nói, tăng mức độ tham gia, hứng thú và sự tự tin của người học, trong khi AI hỗ trợ cá nhân hóa luyện nói, cung cấp phản hồi tức thời và giảm lo lắng khi giao tiếp. Tuy nhiên, các nghiên cứu hiện nay chủ yếu tiếp cận DST và AI một cách tách biệt, thiếu các mô hình sư phạm tích hợp có hệ thống, đặc biệt đối với đối tượng học sinh THCS. Trên nền tảng lý thuyết động lực học ngoại ngữ và lý luận mô hình hóa dạy học, bài báo đề xuất khái niệm “kể chuyện hỗ trợ bởi trí tuệ nhân tạo” (AI-supported storytelling) và xây dựng mô hình sư phạm bốn giai đoạn nhằm phát triển động lực học nói tiếng Anh cho học sinh THCS. Kết quả nghiên cứu góp phần bổ sung cơ sở lý luận cho việc tích hợp DST và AI trong giáo dục ngôn ngữ, đồng thời cung cấp gợi ý thực tiễn cho giáo viên trong bối cảnh chuyển đổi số giáo dục hiện nay.

**Từ khóa:** Động lực học tập, kỹ năng nói tiếng Anh, kể chuyện số, trí tuệ nhân tạo, học sinh trung học cơ sở.  
**Nhận bài:** 15/12/2025; **Biên tập:** 16/12/2025; **Phản biện:** 22/12/2025; **Duyệt đăng:** 29/12/2025.

## 1. Đặt vấn đề

Động lực học tập từ lâu được xem là một trong những yếu tố dự báo mạnh mẽ nhất thành công của người học ngoại ngữ. Đối với kỹ năng nói, vai trò của động lực càng trở nên quan trọng hơn bởi người học phải đồng thời huy động kiến thức ngôn ngữ, năng lực giao tiếp và khả năng xử lý các rào cản tâm lý như lo lắng, sợ sai, sợ bị đánh giá. Nhiều nghiên cứu cho thấy khi động lực thấp, người học thường né tránh phát biểu, trả lời miễn cưỡng và ít chủ động tương tác bằng tiếng Anh, dẫn tới vòng xoáy “ít thực hành - ít tiến bộ - thêm tự ti”.

Từ sau năm 2018, hai xu hướng nổi bật đang tác động mạnh mẽ đến dạy - học kỹ năng nói tiếng Anh: (i) sự lan tỏa của kể chuyện số (digital storytelling DST) trong giáo dục ngôn ngữ và (ii) sự bùng nổ của trí tuệ nhân tạo (AI) trong các mô hình dạy - học ngoại ngữ, đặc biệt ở kỹ năng nói. Các nghiên cứu cho thấy DST giúp phát triển rõ rệt khả năng trình bày miệng, tăng sự tham gia, hứng thú và cảm giác “có tiếng nói” của người học trong lớp học. Trong khi đó, AI hỗ trợ cá nhân hóa luyện nói, cung cấp phản hồi phát âm lưu loát theo thời gian thực, tạo môi trường luyện tập “ít bị phán xét” giữa người và máy, từ đó nâng cao tự tin và động lực.

Tuy vậy, đa số công trình hiện tại vẫn xử lý hai hướng này tương đối tách biệt: hoặc tập trung vào DST, hoặc vào các công cụ AI như chatbot và hệ thống ASR. Những nghiên cứu tích hợp có chủ đích DST với AI để nâng cao động lực học nói của học sinh THCS một nhóm đối tượng đang ở giai đoạn chuyển tiếp quan trọng về nhận thức, cảm xúc và xã hội còn khá khiêm tốn.

Trong bối cảnh đó, bài báo này lựa chọn tiếp cận theo hướng nghiên cứu khái niệm kết hợp tổng quan định hướng, nhằm: (1) Tổng quan có chọn lọc các nghiên cứu từ 2018 đến nay về tác động của DST và AI đối với động lực và kỹ năng nói tiếng Anh; (2) Phân tích khoảng trống nghiên cứu ở bậc THCS; (3) Đề xuất một khung khái niệm và mô hình sư phạm “kể chuyện hỗ trợ bởi trí tuệ nhân tạo” (AI-supported storytelling) nhằm nâng cao động lực học nói tiếng Anh cho học sinh THCS.

Về mặt lý luận, bài báo góp phần kết nối hai dòng nghiên cứu vốn thường được triển khai tách biệt: DST trong giáo dục ngôn ngữ và AI trong phát triển kỹ năng nói. Về mặt thực tiễn, mô hình đề xuất là gợi ý cho giáo viên tiếng Anh THCS trong thiết kế hoạt động dạy học nói gắn với trải nghiệm số, phù hợp với định hướng chuyển đổi số giáo dục hiện nay.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Khung lý luận về động lực học nói tiếng Anh

Nhiều công trình gần đây về động lực học ngoại ngữ dựa trên các khung lý thuyết như Thuyết Tự Quyết (Self-Determination Theory - SDT) và Hệ thống Bản ngã Ngôn ngữ 2 (L2 Motivational Self System). Theo SDT, động lực bền vững được nuôi dưỡng khi ba nhu cầu tâm lý cơ bản được đáp ứng: tự chủ (autonomy), cảm nhận năng lực (competence) và kết nối (relatedness). Trong lớp học ngoại ngữ, người học có xu hướng chủ động và kiên trì hơn khi được lựa chọn nhiệm vụ phù hợp (tự chủ), cảm nhận được tiến bộ (năng lực) và được trải nghiệm môi trường hỗ trợ, tôn trọng (kết nối).

Đối với kỹ năng nói, hai biến số quan trọng khác

là lo lắng khi nói (speaking anxiety) và sẵn sàng giao tiếp (willingness to communicate - WTC). Các nghiên cứu về chatbot và luyện nói với AI cho thấy tương tác người - máy thường ít áp lực hơn so với giao tiếp trực tiếp với giáo viên hoặc bạn học, từ đó có thể làm giảm lo lắng, tăng WTC và động lực tham gia.

Khung lý luận trên là nền tảng để phân tích vì sao DST và AI - nếu được thiết kế đúng - có thể tác động tích cực đến động lực học nói tiếng Anh, đặc biệt ở lứa tuổi THCS.

## 2.2. Kể chuyện số trong phát triển kỹ năng nói và động lực học tập

Kể chuyện số (digital storytelling - DST) được hiểu là quá trình người học sử dụng kết hợp ngôn ngữ, hình ảnh, âm thanh và công cụ số để kiến tạo và chia sẻ các câu chuyện có ý nghĩa cá nhân hoặc xã hội. Nair et al. (2021) trong một tổng quan hệ thống đã cho thấy DST được triển khai rộng rãi trong giáo dục ngôn ngữ, và kết quả nhất quán chỉ ra rằng DST giúp cải thiện đáng kể kỹ năng nói, độ lưu loát và khả năng trình bày trước công chúng. Lim (2022) cũng khẳng định DST có tác động tích cực đến sự tham gia và hứng thú học ngoại ngữ ở lứa tuổi thanh thiếu niên.

Từ góc độ động lực, Kasami (2021) nghiên cứu tác động của DST đối với nhóm người học có trình độ và sự tự tin thấp, kết quả cho thấy DST giúp tăng rõ rệt động lực học tiếng Anh: người học cảm thấy "ít bị soi xét" hơn khi nói, và hứng thú hơn khi được kể câu chuyện của chính mình bằng tiếng Anh. Cơ chế tác động của DST được nhiều tác giả mô tả ở ba khía cạnh chính: (1) Tự chủ trong sáng tạo: người học được lựa chọn chủ đề, xây dựng nhân vật, cốt truyện, qua đó thể hiện bản sắc cá nhân; (2) Học tập đa phương thức: kết hợp chữ viết, hình ảnh, âm nhạc, video, giúp người học không chỉ "đọc" và "nói" mà còn "nhìn thấy" và "nghe thấy" câu chuyện của mình; (3) Sản phẩm có ý nghĩa xã hội: sản phẩm kể chuyện có thể chia sẻ với bạn bè, gia đình, cộng đồng lớp học, từ đó mang lại cảm giác tự hào và trách nhiệm.

Những cơ chế này tương thích với các nhu cầu tâm lý trong SDT (tự chủ, năng lực, kết nối), cho thấy DST không chỉ cải thiện kỹ năng nói mà còn là công cụ hữu hiệu nuôi dưỡng động lực học tập.

## 2.3. Trí tuệ nhân tạo trong phát triển kỹ năng nói và động lực

Song hành với DST, các ứng dụng AI trong giáo dục ngôn ngữ đã phát triển mạnh mẽ trong khoảng gần một thập kỷ qua. Zhu & Wang (2024) tổng quan nghiên cứu về AI trong dạy - học ngôn ngữ và chỉ ra bốn nhóm chức năng chính của AI: (1) đánh giá và phản hồi tự động; (2) trợ lý học tập thông minh; (3) chatbot hội thoại; và (4) phân tích dữ liệu học tập. Theo các tác giả, AI có thể hỗ trợ đáng kể trong việc

nâng cao kết quả kỹ năng, trong đó có kỹ năng nói, nếu được đặt trong khung sư phạm phù hợp.

Du (2024) thực hiện một tổng quan về chatbot AI cho luyện nói tiếng Anh như ngoại ngữ, kết luận rằng chatbot có tiềm năng nâng cao độ lưu loát, tự tin và động lực khi nói, nhưng hiệu quả phụ thuộc vào thiết kế nhiệm vụ và mức độ tích hợp vào chương trình học. Các nghiên cứu thực nghiệm được tổng hợp trong các tổng quan cho thấy hệ thống nhận diện tiếng nói và các ứng dụng luyện phát âm dựa trên AI giúp cải thiện rõ rệt độ chính xác phát âm, trọng âm và ngữ điệu của người học, đồng thời cung cấp phản hồi chi tiết, nhất quán - điều mà giáo viên khó thực hiện cho từng cá nhân trong lớp đông.

Tại Việt Nam, Phạm (2025) khảo sát giáo viên và sinh viên ngoại ngữ về ứng dụng AI trong dạy - học và nhận thấy phần lớn người tham gia đánh giá tích cực vai trò hỗ trợ của AI trong luyện kỹ năng, đặc biệt là kỹ năng nói. Tuy nhiên, việc sử dụng vẫn mang tính tự phát, thiếu khung hướng dẫn sư phạm rõ ràng và chưa gắn chặt với các mô hình nhiệm vụ có ý nghĩa như kể chuyện.

Tổng hợp các kết quả trên, có thể thấy AI góp phần: Tăng số cơ hội luyện tập cá nhân hóa; Giảm lo lắng khi nói do tương tác người - máy ít áp lực; Củng cố cảm nhận năng lực nhờ phản hồi tức thời và chi tiết.

Tuy nhiên, AI không tự động tạo ra động lực, mà chỉ thực sự phát huy giá trị khi được tích hợp vào những nhiệm vụ giàu ý nghĩa, gắn với trải nghiệm và mục tiêu của người học.

## 2.4. Khái niệm "Kể chuyện hỗ trợ bởi trí tuệ nhân tạo"

- Trên nền DST và AI, bài báo đề xuất khái niệm:

Kể chuyện hỗ trợ bởi trí tuệ nhân tạo (AI-supported storytelling) trong dạy học nói tiếng Anh là quá trình người học thiết kế, diễn xướng và chia sẻ các câu chuyện bằng tiếng Anh trong một môi trường học tập số, trong đó trí tuệ nhân tạo tham gia có ý nghĩa vào ít nhất một trong ba khâu: (1) gợi ý và đồng kiến tạo nội dung; (2) cung cấp phản hồi về phát âm, lưu loát và độ chính xác ngôn ngữ; (3) mô phỏng người nghe/đối thoại để duy trì tương tác.

Khái niệm này giúp phân biệt giữa: (1) DST "truyền thống", nơi công nghệ chủ yếu được dùng để dựng sản phẩm (video, slide, âm thanh) trong khi phản hồi ngôn ngữ đến từ giáo viên; (2) AI-supported storytelling, nơi AI tham gia sâu hơn vào tiến trình ngôn ngữ, từ khâu lên ý tưởng, xây dựng thoại tới luyện tập và sửa lỗi phát âm.

Đối với học sinh THCS, AI-supported storytelling có thể tận dụng đồng thời sức mạnh của câu chuyện (gần gũi, giàu cảm xúc) và công nghệ (phản hồi tức thì, môi trường luyện tập an toàn) để nuôi dưỡng động lực học nói.

**2.5. Mô hình sư phạm bốn giai đoạn cho học sinh THCS**

Dựa trên khung khái niệm trên và các kết quả nghiên cứu đã phân tích, bài báo đề xuất mô hình sư phạm bốn giai đoạn dành cho học sinh THCS:

**Giai đoạn 1:** Khởi gợi động lực và thiết lập “không gian an toàn”

GV giới thiệu chủ đề kể chuyện gắn với đời sống học sinh (gia đình, bạn bè, trường lớp, ước mơ...), cho học sinh xem một số sản phẩm DST mẫu, cùng thỏa thuận những “quy tắc lớp học an toàn” (tôn trọng, không chế giễu, quyền được sai và được sửa). Học sinh (HS) hoàn thành nhanh một phiếu tự đánh giá về mức độ thích nói tiếng Anh, mức độ tự tin và tần suất phát biểu để làm “mốc ban đầu” cho động lực.

**Giai đoạn 2:** Đồng kiến tạo câu chuyện với hỗ trợ của AI

HS làm việc theo nhóm nhỏ hoặc cá nhân, sử dụng một công cụ AI phù hợp (theo hướng dẫn của GV) để gợi ý ý tưởng, cốt truyện, từ vựng và cấu trúc câu cần thiết. GV đóng vai trò “người giám sát sư phạm”, nhấn mạnh rằng AI chỉ gợi ý, còn quyết định nội dung, phong cách và điều chỉnh cuối cùng thuộc về người học. Sản phẩm của giai đoạn này là bản nháp kịch bản kể chuyện bằng tiếng Anh.

**Giai đoạn 3:** Luyện tập kể chuyện với phản hồi AI  
HS sử dụng ứng dụng hoặc nền tảng có tích hợp nhận diện tiếng nói để thu âm hoặc quay video kể chuyện. Sau mỗi lần luyện, hệ thống cung cấp phản hồi về phát âm, tốc độ, độ lưu loát... Học tự đặt mục tiêu nhỏ (ví dụ: tăng điểm phát âm, giảm số lần ngập ngừng), lặp lại luyện tập cho đến khi đạt ngưỡng mong muốn. GV theo dõi tiến độ, giải thích thêm những lỗi tinh tế mà AI khó nhận diện, giúp học sinh hiểu đúng và điều chỉnh phù hợp.

**Giai đoạn 4:** Trình bày, phản hồi cộng đồng và phản tư

HS trình bày câu chuyện trước lớp (trực tiếp hoặc phát video). Bạn học phản hồi dựa trên một rubric rõ ràng (nội dung, ngôn ngữ, phát âm, biểu cảm, sáng tạo). Giáo viên có thể giới thiệu thêm phản hồi của AI như một nguồn tham chiếu bổ trợ. Cuối cùng, HS hoàn thành lại phiếu tự đánh giá động lực và viết đoạn phản tư ngắn về trải nghiệm học tập của mình. GV tổng hợp kết quả, so sánh trước - sau, rút kinh nghiệm cho các lần triển khai tiếp theo.

Mô hình này cho phép kết hợp chặt chẽ giữa nhiệm vụ giàu ý nghĩa (kể chuyện) và công nghệ AI, đồng thời bám sát các nguyên tắc của SDT về tự chủ, năng lực và kết nối, qua đó hướng tới mục tiêu nâng cao động lực học nói tiếng Anh một cách bền vững cho học sinh THCS.

**2.6. Bàn luận**

Trên nền khung lý luận và mô hình sư phạm đề xuất, có thể bàn luận một số vấn đề chính sau:

*Thứ nhất*, về cơ chế tác động đến động lực, AI-supported storytelling có khả năng đáp ứng đồng thời ba nhu cầu tâm lý trong SDT. Hoạt động kể chuyện cho phép HS lựa chọn chủ đề và phong cách thể hiện, qua đó tăng cảm giác tự chủ; phản hồi chi tiết từ AI giúp người học nhìn thấy tiến bộ cụ thể, củng cố cảm nhận năng lực; và việc chia sẻ sản phẩm với bạn bè, gia đình, cộng đồng lớp học tạo nên trải nghiệm kết nối xã hội tích cực.

*Thứ hai*, so với việc sử dụng AI một cách rời rạc (chỉ để dịch, tra từ hoặc làm bài tập), việc tích hợp AI vào một chuỗi nhiệm vụ kể chuyện có ý nghĩa giúp AI trở thành “công cụ học tập” thực sự, chứ không chỉ là “máy làm hộ”. Điều này phù hợp với khuyến nghị của các tổng quan gần đây, nhấn mạnh rằng hiệu quả của AI phụ thuộc chủ yếu vào thiết kế sư phạm và mức độ gắn kết với mục tiêu học tập.

*Thứ ba*, bài báo cũng thừa nhận những thách thức không nhỏ khi triển khai mô hình trong thực tế: hạn chế về hạ tầng và thiết bị, chênh lệch về năng lực số của HS - GV, vấn đề đạo đức (lạm dụng AI, bảo mật dữ liệu) và hạn chế kỹ thuật của các hệ thống nhận diện tiếng nói. Điều này đòi hỏi nhà trường và cơ quan quản lý phải song song đầu tư hạ tầng, xây dựng hướng dẫn sử dụng AI trong nhà trường và tổ chức bồi dưỡng năng lực sư phạm số cho GV ngoại ngữ (Pham, 2025).

*Thứ tư*, về mặt nghiên cứu, mô hình được đề xuất trong bài báo chưa được kiểm chứng bằng dữ liệu thực nghiệm cụ thể, mà chủ yếu dựa trên tổng hợp các nghiên cứu hiện có. Đây vừa là hạn chế, vừa là điểm khởi đầu cho những nghiên cứu tiếp theo: các thực nghiệm đối chứng, các nghiên cứu hỗn hợp, và các nghiên cứu trường hợp (case study) trong bối cảnh THCS ở những vùng, loại hình trường khác nhau.

**3. Kết luận**

Bài báo đã tập trung thảo luận mối quan hệ giữa kể chuyện số, trí tuệ nhân tạo và động lực học nói tiếng Anh ở bậc THCS, trên cơ sở tổng quan có chọn lọc các nghiên cứu từ 2018 đến nay. Các kết quả cho thấy: (1) Kể chuyện số là một phương pháp giàu tiềm năng, không chỉ phát triển kỹ năng nói mà còn nuôi dưỡng hứng thú, sự tự tin và sẵn sàng giao tiếp của người học ngoại ngữ. (2) Trí tuệ nhân tạo, khi được tích hợp trên nền tảng lý luận vững chắc, có thể cá nhân hóa luyện tập, cung cấp phản hồi phong phú, giảm lo lắng khi nói và tạo thêm cơ hội thực hành, qua đó góp phần nâng cao động lực học tập. (3) Khoảng trống nghiên cứu hiện tại nằm ở chỗ thiếu vắng các mô hình sư phạm tích hợp có hệ thống DST và AI dành riêng cho học sinh THCS, đặc biệt trong bối cảnh các nước đang phát triển.

Trên cơ sở đó, bài báo đã đề xuất khái niệm “kể chuyện hỗ trợ bởi trí tuệ nhân tạo” và mô hình sư

phạm bốn giai đoạn cho dạy học nói tiếng Anh ở bậc THCS, đồng thời chỉ ra những cơ chế tác động đến động lực, những điều kiện triển khai và những hướng nghiên cứu cần thiết trong tương lai.

Về mặt lý luận, bài viết góp phần kết nối hai dòng nghiên cứu DST và AI trong giáo dục ngôn ngữ dưới góc nhìn động lực học nói tiếng Anh. Về mặt thực tiễn, mô hình gợi ý có thể được sử dụng như một khung tham chiếu để GV tiếng Anh THCS thiết kế các hoạt động dạy học nói vừa giàu ý nghĩa, vừa đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số giáo dục, hướng tới mục tiêu giúp HS không chỉ “nói được”, mà còn “muốn nói” và “dám nói” tiếng Anh trong môi trường học tập hiện đại ■

#### Tài liệu tham khảo

- [1].Kasami, N. (2021). *Can digital storytelling enhance learning motivation for students with low proficiency and confidence in English?* The EUROCALL Review, 29 (1), 68 - 80.
- [2].Lim, N. Z. L. (2022). *A systematic review of digital storytelling in language learning for adolescents and adults.* Journal of Language and Education Studies, 14 (2), 45 - 62.
- [3].Nair, V., Yunus, M. M., & Yamat, H. (2021). *Digital storytelling and its impact on students' speaking skills: A systematic review.* Sustainability, 13 (17), 9829.
- [4].Du, J. (2024). *AI-powered chatbots for English as a foreign language: A systematic review of speaking-related outcomes.* Computer Assisted Language Learning, 37 (5), 1123 - 1145.
- [5].Pham, T. N. (2025). *Teachers' and students' perceptions of artificial intelligence in language teaching and learning in Vietnam.* Vietnam Journal of Education, 9 (1), 35 - 48.
- [6].Zhu, M., & Wang, C. (2024). *Artificial intelligence in language education: A systematic review of recent developments and future directions.* Language Learning & Technology, 28 (1), 1- 25.

---



---

## Enhancing motivation to learn English speaking through AI-supported storytelling

Nguyen Kieu Loan

Dao Vien Middle School, Bac Ninh

Dr. Nguyen Thanh Tu

Subject of Foreign Language, University of Transport Technology

Email: loankieusp2@gmail.com.

**Abstract:** This paper analyzes the role of digital storytelling (DST) and artificial intelligence (AI) in enhancing speaking motivation among the middle school students. Based on a selective review of studies published since 2018, the paper indicates that DST contributes to improving speaking skills, increasing the learners' engagement, interest, and self-confidence, while AI supports personalized speaking practice, provides immediate feedback, and reduces anxiety in communication. However, existing studies tend to examine DST and AI separately and lack systematic pedagogical models that integrate both approaches, particularly for the middle school learners. Drawing on theories of foreign language learning motivation and teaching modeling, this paper proposes the concept of AI-supported storytelling and develops a four-stage pedagogical model aimed at enhancing students' motivation to learn English speaking skills. The findings contribute to the theoretical foundation for integrating DST and AI in language education and offer practical implications for teachers in the context of ongoing digital transformation in education.

**Keywords:** Learning motivation, English speaking skills, digital storytelling, artificial intelligence, middle school students.